

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State securities Commission
Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ Hochiminh Stock exchange

Tên công ty/ Organization name: Công Ty Cổ Phần Long Hậu/ Long Hau Corporation

Mã chứng khoán/ Security Code: LHG

Địa chỉ trụ sở chính/ Address : Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc , Tỉnh Long An.

Hamlet 3, Long Hau Ward, Can Giuoc District, Long An Province.

Điện thoại/Telephone: +84-28-3781 8929

Fax: +84-28-3781 8940

Website: www.longhau.com.vn

Người được ủy quyền CBTT/Information disclosed by: Ông/Mr Nguyễn Dương An

Chức danh/ Position: Quyền Giám Đốc Phòng Tài Chính Kế Toán/ Acting Director of Finance and Accounting

Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ 24h ☐ 72h ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Information discloser type: ☒ Periodic ☐ 24 Hours ☐ 72 hours ☐ Ondemand ☐ Other

Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

Báo cáo tài chính Quý IV năm 2024.

Financial Statement for the fourth-quarter of 2024.

Giải trình Báo cáo tài chính Quý IV năm 2024.

Explanation of Financial Statement for the fourth-quarter of 2024.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/01/2025 tại đường dẫn
<http://www.longhau.com.vn/>.

This information was published on the company's website on January 20th, 2025 at the link
<http://www.longhau.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear full responsibility to be the law.

Long An, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Long An, January 20th, 2025

Người được Ủy quyền Công bố thông tin

Party authorized to disclose information

Quyền Giám Đốc Phòng Tài Chính Kế Toán

Acting Director of Finance and Accounting

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above

- Lưu / Archived: TCKT/ Financial & Accountant Dept.

Công Ty
Cổ Phần
Long Hậu

Digitally signed by Công Ty Cổ
Phần Long Hậu
DN: C=VN, S=LONG AN, L=Cần
Giộc, CN=Công Ty Cổ Phần Long
Hậu,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
NST-1100727545
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025.01.20
19:23:14
+0700
Foxit PDF Reader Version: 12.1.3



Nguyễn Dương An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 4 - NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
LONG HẬU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Quý 4 năm 2024
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

			Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.168.448.021.185	2.090.178.545.130
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		115.643.526.768	69.552.779.495
Tiền	111	V.1	61.643.526.768	53.552.779.495
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	54.000.000.000	16.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		899.578.321.206	885.386.707.897
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	899.578.321.206	885.386.707.897
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		312.083.349.401	322.698.329.242
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	15.808.428.463	17.398.955.278
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.377.184.810	11.566.713.876
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	284.143.190.673	293.978.114.633
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(245.454.545)	(245.454.545)
Hàng tồn kho	140		827.775.895.451	800.304.303.753
Hàng tồn kho	141	V.7	827.775.895.451	800.304.303.753
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.366.928.359	12.236.424.743
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		610.509.778	942.652.217
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.740.355.974	11.271.224.404
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		16.062.607	22.548.122
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		897.123.540.546	914.449.489.492
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.808.208.896	5.227.380.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.8	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.9	3.808.208.896	5.227.380.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.8	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tài sản cố định	220		57.261.479.004	59.418.384.441
Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	54.647.906.618	56.735.458.244
- Nguyên giá	222		147.230.918.486	147.086.690.721
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(92.583.011.868)	(90.351.232.477)
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.613.572.386	2.682.926.197
- Nguyên giá	228		4.141.387.270	4.141.387.270
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.527.814.884)	(1.458.461.073)
Bất động sản đầu tư	230	V.12	550.845.143.894	566.323.217.822
- Nguyên giá	231		967.263.458.101	968.355.563.265
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(416.418.314.207)	(402.032.345.443)
Tài sản dở dang dài hạn	240		46.282.966.077	42.059.398.697
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	46.282.966.077	42.059.398.697
Đầu tư tài chính dài hạn	250		192.290.373.308	193.647.943.959
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	122.693.500.000	122.693.500.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	99.630.000.000	99.630.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.14	(30.033.126.692)	(28.675.556.041)
Tài sản dài hạn khác	260		46.635.369.367	47.773.164.573
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	46.635.369.367	47.773.164.573
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.065.571.561.731	3.004.628.034.622

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
NỢ PHẢI TRẢ		300		1.406.219.730.272	1.390.110.299.892
Nợ ngắn hạn		310		793.698.488.820	776.043.378.850
Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.16	30.396.715.726	26.308.282.420
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.16	76.592.606.025	110.516.045
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.17	20.644.753.058	46.395.530.120
Phải trả người lao động		314		7.859.362.896	5.426.336.502
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.18	550.627.989.262	573.402.027.931
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		47.324.700	-
Phải trả ngắn hạn khác		319	V.19	4.988.669.731	20.023.087.176
Vay ngắn hạn		320	V.20	54.937.986.660	54.937.986.660
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.21	47.603.080.762	49.439.611.996
Nợ dài hạn		330		612.521.241.452	614.066.921.042
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		1.534.075.910	1.453.395.163
Phải trả dài hạn khác		337	V.22	93.521.431.390	79.229.156.672
Vay dài hạn		338	V.20	125.937.248.925	139.132.995.590
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341	V.23	391.528.485.227	394.251.373.617
VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1.659.351.831.459	1.614.517.734.730
Vốn chủ sở hữu		410		1.659.351.831.459	1.614.517.734.730
Vốn góp của chủ sở hữu		411	V.24	500.120.100.000	500.120.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	V.24	500.120.100.000	500.120.100.000
Thặng dư vốn cổ phần		412	V.24	71.770.248.000	71.770.248.000
Quỹ đầu tư phát triển		418	V.24	144.283.659.234	144.283.659.234
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	V.24	943.177.824.225	898.343.727.496
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		759.337.374.496	759.337.374.496
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		183.840.449.729	139.006.353.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		440		3.065.571.561.731	3.004.628.034.622



Mai Thu Phong

Người lập



Nguyễn Tấn Phong

Kế toán trưởng



Long An, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trần Hồng Sơn

Tổng giám đốc

Công ty cổ phần Long Hậu
Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 4 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	94.573.477.537	144.969.249.744	423.446.910.138	394.859.343.137
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	94.573.477.537	144.969.249.744	423.446.910.138	394.859.343.137
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	54.599.702.301	69.061.965.749	204.583.380.858	194.045.126.160
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.973.775.236	75.907.283.995	218.863.529.280	200.814.216.977
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.085.487.448	23.996.167.470	57.558.461.348	85.388.810.973
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.838.670.662	4.088.117.740	23.882.084.416	15.102.675.224
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.481.100.011	4.088.117.740	13.848.957.724	15.102.675.224
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.567.843.886	1.799.532.423	5.438.756.567	5.705.313.999
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.181.569.681	17.468.606.879	58.157.030.412	57.860.606.143
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.471.178.455	76.547.194.423	188.944.119.233	207.534.432.594
11. Thu nhập khác	31		39.024.865.853	1.661.819.857	48.759.014.728	4.783.466.738
12. Chi phí khác	32		4.927.487.554	335.224.659	5.078.071.133	353.253.268
13. Lợi nhuận khác	40		34.097.378.299	1.326.595.198	43.680.943.595	4.430.213.470
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.568.556.754	77.873.789.621	232.625.062.828	211.964.646.064
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		15.457.348.415	9.952.355.360	49.277.146.174	40.527.330.896
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.722.888.390)	6.565.755.634	(492.633.075)	5.250.725.510
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.834.096.729	61.355.678.627	183.849.449.729	166.186.589.658

Mai Thu Phong
Người lập

Nguyễn Tấn Phong
Kế toán trưởng

Long An, ngày 20 tháng 01 năm 2025
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU
H. CẦN GIUỘC - T. LONG AN

Trần Hồng Sơn
Tổng giám đốc

10/01/2025

Công ty cổ phần Long Hậu
Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý 4 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		186.981.801.052	170.221.646.077	520.024.296.499	413.053.974.323
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(37.367.083.875)	3.091.498.278	(145.867.852.438)	(193.862.928.177)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(7.842.118.096)	(8.871.350.426)	(45.499.296.386)	(39.114.787.566)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(3.481.100.011)	(4.088.117.740)	(13.848.957.724)	(15.102.675.224)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(22.162.552.807)	(11.422.973.935)	(44.084.309.168)	(37.549.899.405)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		61.543.415.149	28.342.556.912	94.371.532.363	69.872.672.149
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(62.157.327.770)	(46.371.162.016)	(193.107.789.897)	(154.292.296.452)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		115.515.033.642	130.902.097.150	171.987.623.249	43.004.059.648
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(57.129.556.153)	(78.001.048.073)	(312.283.145.741)	(118.697.350.386)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	20.000.000	-	21.163.626
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(218.500.000.000)	(187.888.500.241)	(1.263.819.938.292)	(856.037.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		205.464.986.350	265.393.812.177	1.311.706.495.569	1.056.593.231.645
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	4.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.971.386.226	26.454.836.444	56.105.965.290	84.257.701.462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(56.193.183.577)	25.979.100.307	(208.290.623.174)	170.537.746.347
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	9.100.000.000	50.500.000.000	82.990.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(13.195.746.665)	(10.518.666.665)	(50.582.986.660)	(43.624.666.660)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(165.727.690)	(203.254.340)	(93.959.139.625)	(94.925.049.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.361.474.355)	(1.621.921.005)	(94.042.126.285)	(55.559.716.160)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		45.960.375.710	155.259.276.452	(130.345.126.210)	157.982.089.835
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		69.552.779.495	87.794.032.568	244.024.411.579	84.946.215.718
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		130.371.563	1.964.241.399	1.096.106.026	1.096.106.026
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	115.643.526.768	244.024.411.579	115.643.526.768	244.024.411.579

CÔNG TY

Long An, ngày 20 tháng 01 năm 2025


Mai Thu Phong
Người lập


Nguyễn Tấn Phong
Kế toán trưởng


CÔNG TY CỔ PHẦN
LONG HẬU
H. CẦN GIUỘC - T. LONG AN

Long An, ngày 20 tháng 01 năm 2025


H. CẦN GIUỘC - K.K.K.D

Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Long Hậu ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100727545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 23 tháng 05 năm 2006. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 18, ngày 19 tháng 03 năm 2023.

Vào ngày 01 tháng 12 năm 2006, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư số 50221000001 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Long An cấp để được quyền phát triển Khu Công nghiệp Long Hậu ("KCN Long Hậu 1") và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng. Giấy Chứng nhận Đầu tư này được điều chỉnh lần thứ 4 vào ngày 28 tháng 02 năm 2014.

Vào ngày 11 tháng 06 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận đầu tư số 50221000150 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Long An cấp để phát triển Khu Công nghiệp Long Hậu – Giai đoạn mở rộng ("KCN 2" hay "KCN Long Hậu mở rộng") và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng. Và được thay thế bằng Giấy Chứng nhận Đầu tư số 5252507315 ngày 10 tháng 01 năm 2019 được thay đổi lần thứ 3 vào ngày 28 tháng 02 năm 2014.

Vào ngày 03 tháng 07 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư số 50221000156 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Tỉnh Long An cấp để xây dựng Khu lưu trú 5 tầng bên trong Khu Công nghiệp Long Hậu 1 ("Khu lưu trú"). Giấy Chứng nhận đầu tư này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 26 tháng 07 năm 2012.

Vào ngày 07 tháng 08 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư số 50121000141 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An cấp để đầu tư xây dựng Khu dân cư – tái định cư ("Khu dân cư") tại xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Vào ngày 28 tháng 07 năm 2016, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư số 4414381603 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Long An cấp để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Long Hậu 3 – Giai đoạn 1 ("KCN Long Hậu 3") tại Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An. Giấy Chứng nhận đầu tư này được điều chỉnh lần thứ 07 vào ngày 17 tháng 08 năm 2023.

Vào ngày 03 tháng 05 năm 2018, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động kinh doanh của chi nhánh số 1100727545-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp để thành lập chi nhánh ở Đà Nẵng. Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động kinh doanh của chi nhánh đã được thay đổi lần thứ nhất vào ngày 20 tháng 03 năm 2023.

Vào ngày 10 tháng 07 năm 2018, Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đầu tư số 4500135878 do Ban quản lý Khu Công nghiệp Đà Nẵng cấp và được điều chỉnh lần thứ nhất vào ngày 12 tháng 10 năm 2022 để thực hiện dự án Nhà xưởng công nghệ cao Long Hậu Đà Nẵng.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là LHG được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 48/QĐ-SGDHCM ngày 15 tháng 03 năm 2010.

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: LHG
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 50.012.010 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 500.120.100.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty gồm: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Mua bán vật liệu xây dựng; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Giáo dục nhà trẻ; Giáo dục mẫu giáo; Quảng cáo (thực hiện theo quy định của pháp luật); Xây dựng công trình cấp thoát nước, thủy lợi; Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; Mua bán nhà ở, chung cư, nhà xưởng, kho, bến bãi, bãi đỗ xe, cho thuê đất, cho thuê nhà, cho thuê nhà xưởng; Kinh

doanh bán lẻ xăng dầu; San lấp mặt bằng; Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất; Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Tư vấn đầu tư; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Giáo dục khác chưa phân vào đâu; Bán lẻ điện; Sản xuất thủy điện, nhiệt điện khí, điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng điện khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế; Xây dựng trạm biến áp, xây dựng mạng lưới đường dây truyền tải, phân phối điện và các công trình, cấu trúc có liên quan, xây dựng đường dây, đường cáp điện ngầm; Đầu tư xây dựng, kinh doanh KCN và khu dân cư, tư vấn đầu tư, xây dựng; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Xây dựng nhà không để ở; Vệ sinh công nghiệp và các công trình riêng biệt; Các hoạt động vệ sinh thông thường cho tất cả các loại công trình: Văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, cửa hàng, các cơ quan và các công trình nhà ở đa mục đích và kinh doanh khác; May trang phục trừ trang phục từ da, lông thú; Xử lý nước thải và kinh doanh nước thải sau xử lý, duy tu và bảo dưỡng hệ thống thoát nước; Dịch vụ ăn uống khác; hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp; Dịch vụ giao nhận hàng hoá, hoạt động liên quan khác; Cho thuê xe chở khách (không có lái xe đi kèm); cho thuê xe tải, bán romooc; Hoạt động bảo vệ cá nhân; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Hoạt động của các cơ sở thể thao; Xây dựng công trình điện; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xây dựng nền móng và ép cọc; Hoạt động tư vấn quản lý; Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hoá (trừ đấu giá hàng hoá); Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; Xây dựng công trình công ích khác; Lắp đặt hệ thống điện; Truyền tải và phân phối điện; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Trong Quý 4 năm 2024, hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình công nghiệp, nhà xưởng, cho thuê lại đất, cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú công nhân và hoạt động dịch vụ Khu công nghiệp.

- 1.4 **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- 1.5 **Cấu trúc của Công ty**
Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Công Nghệ Igreen	Tòa nhà F, Đường nội bộ Đại học Quốc Gia Tp. HCM, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Tp. Hồ Chí Minh ("Sapulico")	121 Châu Văn Liêm, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý, vận hành, duy tu và sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng	27,80%	27,80%	27,80%

- 1.6 **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**
 Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.
- 1.7 **Nhân viên**
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 133 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Áp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5

Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Áp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu bao gồm chi phí phát triển khu công nghiệp, khu dân cư và khu chuyên gia chuyển đổi.

• Khu công nghiệp

Chi phí phát triển khu công nghiệp được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển khu công nghiệp.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ (nếu trọng yếu) trừ chi phí ước tính để hoàn thành khu dân cư – tái định cư và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

• Khu dân cư và khu chuyên gia chuyển đổi

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; chi phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng; và chi phí lập kế hoạch, thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan.

Giá thành của hàng tồn kho được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, riêng đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích của bất động sản bán đi.

Tiền hoa hồng không hoàn lại trả cho đại lý tiếp thị hoặc bán hàng trong việc bán các lô bất động sản được ghi nhận vào chi phí khi thanh toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ (nếu trọng yếu) trừ chi phí ước tính để hoàn thành khu dân cư – tái định cư và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 09

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định vô hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	49
Phần mềm máy tính	03 – 05
Giấy phép nhượng quyền	03 – 05

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Giấy phép nhượng quyền

Nguyên giá của giấy phép nhượng quyền bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí mua.

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng.

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	15
Khu lưu trữ	25
Trung tâm dịch vụ	25

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả
 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Tiền lương
 Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.13 Vốn chủ sở hữu
Vốn góp của chủ sở hữu
 Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.
Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Áp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng chủ yếu đến từ KCN Long Hậu 3. KCN Long Hậu 3 vẫn đang trong quá trình xây dựng và phát triển.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền huỷ ngang hợp đồng cho thuê và Công ty không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Áp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng

Quan hệ

Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Công nghiệp
Tân Thuận

Cổ đông lớn

Công ty Cổ phần Công Nghệ Igreen

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố

Công ty liên kết

Hồ Chí Minh ("Sapulico")

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên chủ chốt

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

	31/12/2024	01/10/2024
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngân hàng	61.643.526.768	53.552.779.495
Các khoản tương đương tiền	54.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	115.643.526.768	69.552.779.495
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	899.578.321.206	885.386.707.897
Cộng	899.578.321.206	885.386.707.897
3. Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn		
Khách hàng thuê xưởng và dịch vụ KCN	15.808.428.463	17.398.955.278
Cộng	15.808.428.463	17.398.955.278
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Bên thứ ba		
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Huyện Cần Giuộc	12.377.184.810	11.566.713.876
Công ty TNHH TM xây dựng Thảo Nguyên Xanh	4.568.821.685	4.568.821.685
Nhà cung cấp khác	2.010.164.450	2.010.164.450
Cộng	5.798.198.675	4.987.727.741
	12.377.184.810	11.566.713.876
5. Phải thu khác ngắn hạn		
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công Nghệ IGREEN – chi hộ	60.247.526.166	60.247.526.166
Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp Tân Thuận (*)	245.454.545	245.454.545
	60.002.071.621	60.002.071.621
Bên thứ ba		
Kinh phí bồi thường và thỏa thuận bồi thường các dự án	223.895.664.507	233.730.588.467
Phải thu cổ tức từ Công ty CP chiếu sáng công cộng TP.HCM	190.643.595.280	191.698.177.059
Tạm ứng	-	7.504.525.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	463.685.750	1.911.985.750
Phải thu hợp tác kinh doanh	4.808.900.000	4.808.900.000
Phải thu khác	23.430.809.738	23.430.809.738
	4.548.673.739	4.376.190.920
Cộng	284.143.190.673	293.978.114.633
(*) Bao gồm khoản tạm ứng cho IPC nghĩa vụ hoàn trả chi phí bố trí tái định cư cho dự án KCN Long Hậu 1 với số tiền là 59.180.512.545 Đồng (chưa bao gồm VAT) theo yêu cầu của Thỏa thuận nguyên tắc ký kết giữa hai bên. Hiện tại, Công ty đang làm việc với IPC về toàn bộ chi phí bố trí tái định cư của Dự án này (Thuyết minh VII.1)		
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công Nghệ IGREEN – Chi hộ	245.454.545	245.454.545
Cộng	245.454.545	245.454.545

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

	31/12/2024	01/10/2024
7. Hàng tồn kho		
Chi phí đầu tư xây dựng Khu công nghiệp, khu dân cư ^(*)	827.024.572.348	799.524.565.807
Nguyên vật liệu	486.248.051	531.853.595
Hàng hóa bất động sản	229.118.181	229.118.181
Thành phẩm nước tinh khiết	35.956.871	18.766.170
Cộng	827.775.895.451	800.304.303.753
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	827.775.895.451	800.304.303.753
^(*) Bao gồm:	31/12/2024	01/10/2024
Chi phí đầu tư xây dựng các khu công nghiệp Long Hậu	685.020.150.921	657.512.173.656
Chi phí đầu tư xây dựng các khu dân cư	142.004.421.427	142.012.392.151
Cộng	827.024.572.348	799.524.565.807
8. Phải thu về cho vay dài hạn và dự phòng phải thu	31/12/2024	01/10/2024
- Bên liên quan		
Công ty cổ phần công nghệ Igreen:		
Cho vay (MS 215)	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi (MS 219)	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Giá trị thuần	-	-
9. Phải thu dài hạn khác	31/12/2024	01/10/2024
Bên liên thứ ba		
Các khoản ký quỹ đầu tư dự án	3.808.208.896	5.227.380.000
Cộng	3.808.208.896	5.227.380.000



CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Đơn vị tính: VND)
Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
01/10/2024	90.662.846.074	31.751.140.678	21.314.219.850	1.062.084.865	2.296.399.254	147.086.690.721
Tăng	-	79.327.765	-	64.900.000	-	144.227.765
31/12/2024	90.662.846.074	31.830.468.443	21.314.219.850	1.126.984.865	2.296.399.254	147.230.918.486
Khấu hao lũy kế						
01/10/2024	59.582.129.524	14.760.793.662	12.798.057.095	913.852.942	2.296.399.254	90.351.232.477
Tăng	1.432.893.864	482.419.395	290.939.400	25.526.732	-	2.231.779.391
Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-	-
31/12/2024	61.015.023.388	15.243.213.057	13.088.996.495	939.379.674	2.296.399.254	92.583.011.868
Giá trị còn lại						
01/10/2024	31.080.716.550	16.990.347.016	8.516.162.755	148.231.923	-	56.735.458.244
31/12/2024	29.647.822.686	16.587.255.386	8.225.223.355	187.605.191	-	54.647.906.618

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Giấy phép nhượng quyền	Phần mềm máy tính và bản quyền	Cộng
Nguyên giá				
01/10/2024	1.777.800.000	1.312.615.972	1.050.971.298	4.141.387.270
Tăng	-	-	-	-
31/12/2024	1.777.800.000	1.312.615.972	1.050.971.298	4.141.387.270
Khấu hao lũy kế				
01/10/2024	237.800.000	169.689.775	1.050.971.298	1.458.461.073
Tăng	-	69.353.811	-	69.353.811
31/12/2024	237.800.000	239.043.586	1.050.971.298	1.527.814.884
Giá trị còn lại				
01/10/2024	1.540.000.000	1.142.926.197	-	2.682.926.197
31/12/2024	1.540.000.000	1.073.572.386	-	2.613.572.386

GIỮ
ON
VỐ
C
110

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

12. Bất động sản đầu tư

	<u>Khu lưu trú</u>	<u>Các dự án Nhà xưởng</u>	<u>Trung tâm thương mại</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
01/10/2024	183.560.895.127	739.459.861.345	45.334.806.793	968.355.563.265
Giảm	-	1.092.105.164	-	1.092.105.164
31/12/2024	183.560.895.127	738.367.756.181	45.334.806.793	967.263.458.101
Khấu hao lũy kế				
01/10/2024	95.518.537.008	296.310.876.856	10.202.931.579	402.032.345.443
Tăng	1.796.868.429	12.127.690.772	577.524.429	14.502.083.630
Giảm	-	116.114.866	-	116.114.866
31/12/2024	97.315.405.437	308.322.452.762	10.780.456.008	416.418.314.207
Giá trị còn lại				
01/10/2024	88.042.358.119	443.148.984.489	35.131.875.214	566.323.217.822
31/12/2024	86.245.489.690	430.045.303.419	34.554.350.785	550.845.143.894

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

	31/12/2024	01/10/2024
13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Hệ thống cung cấp nước	7.513.582.716	7.513.582.716
Dự án Nhà máy nước Mỹ Lộc và khác	30.655.990.987	30.649.609.987
Dự án nhà xưởng	7.944.618.374	3.727.431.994
Công trình khác	168.774.000	168.774.000
Cộng	46.282.966.077	42.059.398.697

14. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		Giá trị đầu tư		Ngành nghề	Địa chỉ
	% sở hữu	31/12/2024	01/10/2024		
Công ty Cổ phần Công nghệ Igreen	40,0%	20.000.000.000	20.000.000.000	Công nghệ thông tin	Phường Tân Phú, Quận 7, Thành Phố HCM
Công ty Cổ phần chiếu sáng công cộng TP.Hồ Chí Minh (*)	27,8%	102.693.500.000	102.693.500.000	Chiếu sáng, tín hiệu giao thông	Phường 4, Quận 5, Thành Phố HCM
Cộng		122.693.500.000	122.693.500.000		

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		31/12/2024		01/10/2024	
Đầu tư cổ phiếu		Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gia Định		1.226.875	19.630.000.000	1.226.875	19.630.000.000
Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước		80.000	80.000.000.000	80.000	80.000.000.000
Cộng		1.306.875	99.630.000.000	1.306.875	99.630.000.000

	31/12/2024	01/10/2024
Dự phòng khoản đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Công nghệ Igreen	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	10.033.126.692	8.675.556.041
Cộng	30.033.126.692	28.675.556.041

	31/12/2024	01/10/2024
15. Chi phí trả trước dài hạn		
Tiền thuê đất đã trả trước	39.120.433.679	21.889.021.723
Công cụ, dụng cụ	208.658.510	3.177.288.607
Khác	7.306.277.178	22.706.854.243
Cộng	46.635.369.367	47.773.164.573

	31/12/2024	01/10/2024
16. Phải trả người bán và người mua trả trước ngắn hạn		
Phải trả người bán (16.1)	30.396.715.726	26.308.282.420
Người mua trả trước (16.2)	76.592.606.025	110.516.045
Cộng	106.989.321.751	26.418.798.465

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

(16.1) Bao gồm:		
- Bên liên quan	1.835.025.075	1.835.025.075
Công ty TNHH một thành viên phát triển công nghiệp Tân Thuận	1.835.025.075	1.835.025.075
- Bên thứ ba	28.561.690.651	24.473.257.345
Công ty cổ phần tư vấn xây lắp Thành An 665	10.213.897.532	10.213.897.532
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Khang Nam	15.131.818.828	6.206.109.242
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Tradeco	-	4.691.450.624
Nhà cung cấp khác	3.215.974.291	3.361.799.947
Cộng	30.396.715.726	26.308.282.420
(16.2) Bao gồm:		
- Bên thứ ba	76.592.606.025	110.516.045
Công ty TNHH Igarashi Việt Nam	74.931.726.000	-
Khách hàng khác	1.660.880.025	110.516.045
Cộng	76.592.606.025	110.516.045
17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2024	01/10/2024
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.867.544.858	4.201.307.280
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.315.617.715	15.020.822.107
Thuế thu nhập cá nhân	386.593.546	324.688.905
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	26.848.711.828
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	74.996.939	-
Cộng	20.644.753.058	46.395.530.120
18. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2024	01/10/2024
Chi phí ước tính phát sinh thêm để hoàn thành cơ sở hạ tầng của các khu đất dân cư, nhà xưởng và đất Khu công nghiệp đã được ghi nhận doanh thu	542.197.831.379	565.593.295.693
Tiền thuê đất phải nộp của các khu đất đã được ghi nhận doanh thu	-	930.785.630
Chi phí phải trả khác	8.430.157.883,00	6.877.946.608
Cộng	550.627.989.262,00	573.402.027.931
19. Phải trả khác ngắn hạn	31/12/2024	01/10/2024
- Bên thứ ba		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.319.204.492	3.768.461.304
Phải trả thỏa thuận giữ đất	-	4.502.959.340
Cổ tức phải trả	268.510.700	442.960.900
Phải trả khác	1.400.954.539	11.308.705.632
Cộng	4.988.669.731	20.023.087.176

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

	31/12/2024	01/10/2024
20. Vay		
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (20.1)	35.901.680.000	38.808.760.000
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam (20.2)	26.245.555.585	31.167.222.250
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (20.3)	118.728.000.000	124.095.000.000
Cộng	180.875.235.585	194.070.982.250
Trong đó, Vay chưa đến hạn		
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	24.273.360.000	27.180.440.000
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	6.558.888.925	11.480.555.590
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	95.105.000.000	100.472.000.000
Cộng	125.937.248.925	139.132.995.590

(20.1) Khoản vay nhằm mục đích:

- Thực hiện đầu tư dự án Nhà xưởng xây sẵn Lô T4- KCN Long Hậu được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số phát hành CV 237788, sổ vào sổ cấp GCN:CT58509 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 09/10/2020. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2024 cho Dự án này 5.000.000.000 đồng;
- Thực hiện đầu tư dự án Hệ thống Điện mặt trời áp mái khu NXXS lô T4 - KCN Long Hậu được đảm bảo bằng tài sản hình thành của chính Dự án. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2024 cho Dự án này 5.160.000.000 đồng;
- Thực hiện đầu tư dự án Nhà xưởng công nghệ cao Long Hậu - Đà Nẵng lô J4 giai đoạn 1 mở rộng được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số phát hành CV 237788, sổ vào sổ cấp GCN:CT58509 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 09/10/2020. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2024 cho Dự án này 25.741.680.000 đồng.

(20.2) Khoản vay nhằm mục đích:

- Thực hiện Dự án "Xây dựng Nhà xưởng 6 tầng tại khu công nghiệp Long Hậu". Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành của chính dự án. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2024 cho Dự án này 18.468.750.000 đồng;
- Thực hiện Dự án "Xây dựng Trung tâm dịch vụ tại khu công nghiệp Long Hậu". Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số phát hành DB 613341, sổ vào sổ cấp GCN: CT61643 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 13/05/2021. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2024 cho Dự án này 7.776.805.585 đồng.

(20.3) Khoản vay nhằm mục đích:

- Thực hiện Dự án "Nhà Xưởng Công Nghệ Cao Long Hậu - Đà Nẵng - Lô J4 (giai đoạn 1)". Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê tài sản gắn liền với đất và quyền lợi phát sinh từ các Hợp Đồng cho thuê nhà xưởng tại dự án Khu Công Nghệ Cao Đà Nẵng. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2024 cho Dự án này 12.628.000.000 đồng;
- Thực hiện Dự án "Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Gđ 3 tại Khu công nghiệp Long Hậu". Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của chính dự án. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2024 cho Dự án này 9.600.000.000 đồng;
- Thực hiện Dự án "Nhà Xưởng xây sẵn lô 3A (23-24-25-26)". Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất số DE340953, sổ vào sổ cấp GCN: CT66805 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/11/2022 và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2024 cho Dự án này 46.000.000.000 đồng;
- Thực hiện Dự án "Nhà Xưởng xây sẵn lô 3A (19-20-21-22)". Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất số DE340954, sổ vào sổ cấp GCN: CT66806 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/11/2022 và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2024 cho Dự án này 50.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

		31/12/2024	01/10/2024	
21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		695.119.375	703.819.375	
Quỹ khen thưởng		22.421.517.104	23.995.915.938	
Quỹ phúc lợi nhân viên		17.438.257.695	17.691.690.095	
Quỹ phúc lợi cộng đồng		7.048.186.588	7.048.186.588	
Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị và ban điều hành		47.603.080.762	49.439.611.996	
Cộng				
		31/12/2024	01/10/2024	
22. Phải trả khác dài hạn				
- Bên thứ ba		93.521.431.390	79.229.156.672	
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		93.521.431.390	79.229.156.672	
Cộng				
		Quý 4-Năm 2024	Quý 4-Năm 2023	
23. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		394.251.373.617	385.455.262.668	
Số đầu kỳ		-	9.388.210.925	
Phát sinh tăng		2.722.888.390	2.822.455.291	
Phát sinh giảm		391.528.485.227	392.021.018.302	
Số cuối kỳ				
24. Nguồn vốn chủ sở hữu				
Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu				
	01/10/2024	Tăng	Giảm	31/12/2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.120.100.000	-	-	500.120.100.000
Quỹ đầu tư phát triển	144.283.659.234	-	-	144.283.659.234
Thặng dư vốn cổ phần	71.770.248.000	-	-	71.770.248.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	898.343.727.496	44.834.096.729	-	943.177.824.225
Cộng	1.614.517.734.730	44.834.096.729	-	1.659.351.831.459

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 4-Năm 2024	Quý 4-Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và xưởng xây sẵn theo yêu cầu	-	76.580.010.000
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú, trung tâm thương mại	48.186.462.481	41.357.235.330
Doanh thu các hoạt động khác	46.387.015.056	27.032.004.414
Tổng doanh thu	94.573.477.537	144.969.249.744
Các khoản giảm trừ	-	-
Cộng doanh thu thuần	94.573.477.537	144.969.249.744
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và xưởng theo yêu cầu	-	28.873.155.276
Giá vốn cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú, trung tâm thương mại	20.093.499.694	19.576.703.071
Giá vốn các hoạt động khác	34.506.202.607	20.612.107.402
Cộng	54.599.702.301	69.061.965.749
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	5.955.115.885	22.900.061.444
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	130.371.563	1.096.106.026
Cộng	6.085.487.448	23.996.167.470
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	3.481.100.011	4.088.117.740
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	1.357.570.651	-
Cộng	4.838.670.662	4.088.117.740
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	480.860.600	1.168.560.922
Chi phí bằng tiền khác	1.086.983.286	630.971.501
Cộng	1.567.843.886	1.799.532.423
6. Chi phí quản lý		
Chi phí nhân viên	9.858.376.148	9.926.831.196
Chi phí khấu hao	667.679.224	513.066.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài.	224.409.196	190.383.814
Chi phí bằng tiền khác.	5.431.105.113	6.838.325.578
Cộng	16.181.569.681	17.468.606.879

CÔNG TY CP LONG HẬU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Đơn vị tính: VND)
Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

	Quý 4-Năm 2024	Quý 4-Năm 2023
7. Thu nhập khác		
Thu nhập từ chênh lệch bồi thường đất	37.513.750.000	-
Thanh lý tài sản	-	18.800.909
Thu nhập từ phạt hợp đồng	247.665.527	1.508.589.492
Thu nhập khác	1.263.450.326	134.429.456
Cộng	39.024.865.853	1.661.819.857
8. Chi phí khác		
Tiền phạt vi phạm hành chính	171.251.638	-
Chi phí khác	4.756.235.916	335.224.659
Cộng	4.927.487.554	335.224.659

VII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt như sau:

	Quý 4-Năm 2024	Quý 4-Năm 2023
Ban Tổng Giám đốc (lương)	780.058.363	822.563.079
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (thù lao)	270.000.000	270.000.000
	1.050.058.363	1.092.563.079

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan

Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp Tân Thuận
Công ty Cổ phần chiếu sáng công cộng TP.Hồ Chí Minh
Công ty cổ phần công nghệ Igreen

Mối quan hệ

Công ty góp vốn
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	31/12/2024	01/10/2024
Công ty cổ phần công nghệ Igreen		
Cho vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu do chi hộ	245.454.545	245.454.545
Cộng nợ phải thu	5.245.454.545	5.245.454.545
Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp Tân Thuận		
Tạm ứng chi phí xây dựng KCN	821.559.076	821.559.076
Tạm ứng chi phí tái định cư dự án KCN LH1 (*)	59.180.512.545	59.180.512.545
Cộng nợ phải thu	60.002.071.621	60.002.071.621

CÔNG TY CP LONG HẬU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

(*) NGHĨA VỤ HOÀN TRẢ CHI PHÍ BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ CHO DỰ ÁN KCN LONG HẬU 1 ("DỰ ÁN")

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2007, Công ty nhận được Văn bản số 893/IPC.07 về việc hoàn trả các khoản chi phí do IPC đã chi trước đây để phát triển Dự án với số tiền là 58.150.554.435 Đồng, trong đó, bao gồm 9.279.920.000 Đồng giá chênh lệch giữa thực tế và hoán đổi đất cho dự án tái định cư. Công ty đã hoàn tất việc thanh toán các chi phí trên theo yêu cầu của IPC trong năm 2007.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, Công ty ký kết Thỏa thuận nguyên tắc về việc hoàn trả chi phí bố trí tái định cư cho Dự án với IPC, trong đó nêu rõ Công ty sẽ hoàn trả cho IPC chi phí bố trí tái định cư bao gồm giá trị của phần diện tích nền tái định cư đã bố trí cho người dân bị giải tỏa theo giá hợp lý được hai bên thỏa thuận, chi phí sử dụng vốn và 10% lợi nhuận định mức. Cũng trong Thỏa thuận nguyên tắc này, hai bên đồng ý rằng, sau khi thống nhất giá trị chi phí tái định cư và tiến hành các thủ tục chấp thuận nội bộ của mỗi bên, hai bên sẽ ký kết Hợp đồng hoàn trả chi phí. Đồng thời, hai bên cũng thống nhất Công ty sẽ tạm ứng cho IPC một khoản tiền nhất định trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Thỏa thuận nguyên tắc này. Việc xử lý số tiền tạm ứng trên sẽ được thực hiện khi hai bên thống nhất chi phí tái định cư và ký Hợp đồng hoàn trả chi phí. Trong năm 2018, Công ty tạm ứng cho IPC khoản tiền 59.180.512.545 Đồng (chưa bao gồm VAT) theo yêu cầu của Thỏa thuận nguyên tắc này (Thuyết minh V.5). Trong năm 2019, IPC đã tiến hành xuất hóa đơn cho khoản tạm ứng này theo yêu cầu của cơ quan thuế.

Công ty nhận được từ IPC các văn bản thông báo các số tiền tạm tính khác nhau để Công ty thanh toán như sau: Văn bản số 608/IPC.18 ngày 15 tháng 6 năm 2018 với số tiền là 62.476.082.900 Đồng; Văn bản số 751/IPC.18 ngày 26 tháng 7 năm 2018 với số tiền là 111.058.460.622 Đồng; và Văn bản số 840/IPC.18 ngày 23 tháng 8 năm 2018 với số tiền là 328.727.272.003 Đồng. Công ty có nhận các văn bản từ IPC: văn bản số 449/IPC.20 ngày 03 tháng 7 năm 2020, văn bản số 484/IPC.21 ngày 12 tháng 11 năm 2021, văn bản số 194/IPC.22 ngày 12 tháng 04 năm 2022 về việc hoàn trả chi phí bố trí tái định cư cho dự án KCN Long Hậu với số tiền 328.727.272.003 Đồng. Trong năm 2023, công ty có nhận văn bản số 13/IPC.23 ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc đề nghị ký xác nhận (đợt 1) danh sách nền tái định cư của dự án Khu công nghiệp Long Hậu vào Khu dân cư Long Hậu (lần 2); văn bản số 326/IPC.23 ngày 07/06/2023 và văn bản số 791/IPC.23 ngày 28/12/2023 về việc hoàn trả chi phí bố trí tái định cư cho dự án KCN Long Hậu với số tiền 328.727.272.003 Đồng.

Trong năm 2024 công ty đã nhận được văn bản số 402/IPC.24 ngày 27/06/2024 và văn bản số 774/IPC.24 ngày 25/12/2024 về việc hoàn trả chi phí bố trí tái định cư cho dự án KCN Long Hậu với đề nghị tạm thanh toán số tiền 328.727.272.003 Đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tiếp tục làm việc với IPC để xác định chi phí tái định cư này nên Công ty chưa thu thập đủ thông tin để xác định giá trị nền tái định cư của Dự án, Công ty chưa ghi nhận chi phí bố trí tái định cư này.

Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp Tân Thuận	31/12/2024	01/10/2024
Phải trả mua nhà máy nước	1.835.025.075	1.835.025.075
Cộng nợ phải trả	1.835.025.075	1.835.025.075

Đầu tư vào công ty liên kết	31/12/2024	01/10/2024
Công ty Cổ phần chiếu sáng công cộng TP.Hồ Chí Minh	102.693.500.000	102.693.500.000
Công ty cổ phần công nghệ Igreen	20.000.000.000	20.000.000.000
	122.693.500.000	122.693.500.000

- 2 Cam kết thuê hoạt động
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An để sử dụng vào mục đích đầu tư cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp và cho thuê lại với Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Long An từ năm 2006 đến năm 2066. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty còn phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước trên diện tích 1,418 ha.
3. Thông tin về bộ phận
- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

110072

CÔNG T

Ổ PH

NG H

UỐC -T.

CÔNG TY CP LONG HẬU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Đơn vị tính: VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Long An, ngày 20 tháng 01 năm 2025



Mai Thu Phong
Người lập



Nguyễn Tấn Phong
Kế toán trưởng



Trần Hồng Sơn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU
Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc,
tỉnh Long An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 030 /2025/CV-LHC-TCKT

Long An, ngày 20 tháng 01 năm 2025

*V/v giải trình lợi nhuận thay đổi trên 10%
của báo cáo tài chính quý 4 năm 2024
so với quý 4 năm 2023*

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Long Hậu.

Mã CK: LHG.

Trước tiên, Công ty cổ phần Long Hậu (LHC) xin gửi lời chào trân trọng đến Quý cơ quan và chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của Quý cơ quan trong suốt thời gian qua.

- Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài Chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ Báo cáo tài chính quý 4/2024 của Công ty cổ phần Long Hậu đã công bố.

Theo báo cáo tài chính quý 4/2024 của LHC, lợi nhuận sau thuế là 44,83 tỷ đồng, giảm 16,52 tỷ đồng (trên 10%) so cùng kỳ năm 2023 (61,35 tỷ đồng), LHC xin giải trình như sau:

1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh quý 4/2024 giảm 50,40 tỷ đồng so với quý 4/2023 nguyên nhân gồm:

- Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng trong kỳ không phát sinh so với quý 4/2023, làm giảm 76,58 tỷ đồng.
- Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú, trung tâm thương mại và các hoạt động khác quý 4/2024 tăng 26,18 tỷ đồng so với quý 4/2023.

2. Giá vốn quý 4/2024 giảm 14,46 tỷ đồng so với quý 4/2023 chủ yếu do:

- Giá vốn cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng trong kỳ không phát sinh so với quý 4/2023, làm giảm 28,87 tỷ đồng.
- Giá vốn các hoạt động cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú, trung tâm thương mại và các hoạt động khác tăng 14,41 tỷ đồng theo doanh thu.

Doanh thu thuần quý 4/2024 giảm 50,40 tỷ đồng và giá vốn giảm 14,46 tỷ đồng làm lợi nhuận gộp giảm 35,94 tỷ đồng so với quý 4/2023.

3. Doanh thu tài chính giảm 17,91 tỷ đồng, chi phí tài chính tăng 0,75 tỷ đồng so với quý 4/2023 làm giảm lợi nhuận 18,66 tỷ đồng.
4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý giảm 1,52 tỷ đồng với so với cùng kỳ năm 2023 làm tăng lợi nhuận 1,52 tỷ đồng.
5. Lợi nhuận từ hoạt động khác tăng 32,77 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 làm tăng lợi nhuận 32,77 tỷ đồng.
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng 5,50 tỷ đồng, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại giảm 9,29 tỷ đồng so với cùng quý 4 năm 2023 làm giảm lợi nhuận trong kỳ là 3,29 tỷ đồng.

Nơi nhận:

Người được ủy quyền công bố thông tin